

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2023/DS-PT

Ngày 24 - 4 - 2023

V/v Mở lối đi qua bất động sản liền kề.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Mở lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Huy T₄ – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992, là đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 19/01/2023 - Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hàng Thị H₁, sinh năm 1962 (vắng mặt);

3.2. Anh Huỳnh Hữu N, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp anh N: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992, là đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 30/01/2023 - Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Chị Nguyễn Bửu Minh Th, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Anh Huỳnh Như T, sinh năm 1999 (vắng mặt);

3.5. Chị Huỳnh Phương T₁, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 286/11/46 Đường C, khu phố B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H₁, chị Th, anh T và chị T₁: Anh Huỳnh Hữu N, sinh năm 1985, là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 29/3/2021 – Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Bà Nguyễn Thị T₂, sinh năm 1962 (có mặt);

3.7. Chị Đỗ Ngọc H₂, sinh năm 1986 (vắng mặt);

3.8. Chị Đỗ Hồng Nh, sinh năm 1992 (vắng mặt);

3.9. Anh Đỗ Minh Q, sinh ngày 13/4/2003 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp của chị Nh, anh Q: Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1960, là đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 28/01/2022 và 14/01/2022 - có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo:* Anh Huỳnh Hữu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 12/01/2021, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ghi ngày 30/5/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Văn M trình bày:

Gia đình ông được Nhà nước giao quyền sử dụng phần đất có số thửa 72, tờ bản đồ số 16, diện tích 3035,6m² tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 1994, gia đình ông và các hộ dân phía sau phải đi nhờ trên lối đi là một phần diện tích của thửa đất số 307 nay là thửa 403 và 74 của hộ gia đình ông H có chiều ngang khoảng 1,5m, chiều dài khoảng 60m để đi ra đường công cộng là huyện lộ 54B. Năm 2007, khi hộ ông H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, có cam kết để cho các hộ dân phía trong sử dụng lối đi nêu trên ra đường công cộng nhưng nay lại làm hàng rào, xây tường kiên cố, gắn rào lưới B40 phía trên chắn ngang lối đi. Vụ việc tranh chấp được Ủy ban nhân dân xã C hòa giải nhưng không thành.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông H và thành viên trong hộ gia đình, phải mở cho hộ gia đình ông phần đất làm lối đi ra đường huyện 54B, có chiều ngang mỗi đầu 2m, chiều dài một cạnh là 70,28m, một cạnh là 72,02m. Tổng diện tích là 140,1m² là một phần diện tích của thửa đất số 403 và 74 do ông H đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì đây là lối đi gần nhất và thuận tiện nhất để đi ra đường công cộng.

Ông thống nhất với bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 15/9/2022 và đồng ý bồi thường giá trị đất, cây trồng và vật kiến trúc trên đất theo biên bản thẩm định, định giá ngày 03/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản tranh chấp.

Theo tờ tự khai ghi ngày 02/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Huỳnh Văn H ủy quyền cho anh Huỳnh Hữu N trình bày:

Khoảng năm 1990, 1995 hộ gia đình anh có nhận chuyển nhượng của bà T₅, đến năm 1997 được cấp giấy đất gồm thửa đất số 307, diện tích 3814m² và thửa đất số 2261, diện tích 2138m². Năm 2004, có đoàn đo đạc đến đo, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không kê gia đình anh ra chứng kiến chỉ ranh. Năm 2006 gia đình anh được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm thửa số 88, diện tích 5265,6m² và thửa số 74, diện tích 110,2m². Sau khi kiểm tra thì phát hiện thửa đất 307 cấp thiếu diện tích nên gia đình làm đơn khiếu nại, đến năm 2007 được bổ sung thửa đất số 403, diện tích 264,4m² giáp thửa đất số 88 và 74.

Trước đó, từ năm 1997 gia đình anh có cho các hộ dân phía trong đất là hộ ông M, bà B và anh Nguyễn Văn Tr đi nhờ lối đi trên hai thửa đất 403 và 74 để đi ra đường huyện 54B. Từ lúc đi nhờ trên đất cho đến nay, các hộ ông này gây cho gia đình nhiều phiền toái như mất an ninh, tài sản, gia đình có trình báo việc này đến chính quyền địa phương.

Năm 2021, do nhu cầu sửa sang, tôn tạo lại đất để phát triển kinh tế gia đình, gia đình có trình báo với địa phương là không cho hộ ông M, anh Tr, bà B tiếp tục đi nhờ trên đất nữa và tạo điều kiện cho hộ anh Tr đi nhờ trên lối đi qua thửa số 88 để đi ra đường công cộng, còn hộ ông M không đồng ý đi lối đi này mà đòi tiếp tục đi nhờ trên lối đi cũ. Nay gia đình anh không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của hộ ông M vì:

Gia đình ông M hiện đang đi nhờ lối đi trên đất của em vợ ông M là anh Nguyễn Minh T₃ để đi ra đường công.

Gia đình ông M có thể nhờ lối đi trên đất anh Tr có chiều dài khoảng 20m rồi tiếp tục đi nhờ trên lối đi gia đình anh đang cho gia đình anh Tr đi nhờ trên thửa đất 88 đi ra đường công cộng.

Ngoài 02 lối nêu trên, gia đình ông M có thể yêu cầu bà Nguyễn Thị B, hoặc anh Tr mở lối đi có chiều dài khoảng 11m trên đất của bà B hoặc anh Tr sẽ đến phần đất của vợ ông M là bà Nguyễn Thị T₂ để ra đường đá xanh công cộng.

Mặc dù vụ án đang được Tòa thụ lý giải quyết nhưng trong thời gian này 02 con của ông M là anh Đỗ Xuân Q và chị Đỗ Hồng Nh thường hay đăng lên mạng xã hội những bài viết có nội dung xúc phạm, vu khống, nhục mạ, khủng bố gia đình anh, hiện vụ việc này gia đình anh đã trình báo Công an xã C giải quyết.

Gia đình anh thống nhất nội dung biên bản đo đạc ngày 15/9/2022 và biên bản định giá tài sản ngày 03/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản tranh chấp. Ranh đất giữa gia đình anh và hộ anh T₃ như đo đạc là đúng nhưng thực địa sử dụng có chênh lệch ranh đất so với diện tích giấy đất được cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T₂ trình bày: Bà thống nhất lời trình bày ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Hồng Nh, Đỗ Minh Q ủy quyền cho ông M trình bày: Ông giữ nguyên lời trình bày nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Ngọc H₂ trình bày: Chị là con của ông M, bà T₂, chị thống nhất lời trình bày của ông M, xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Hữu N và là đại diện theo ủy quyền của bà Hàng Thị H₁, Nguyễn Bửu Minh Th, Huỳnh Như T, Huỳnh Phương T₁ ủy quyền cho anh N trình bày: Anh giữ nguyên lời trình bày nêu trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Khoản 2 Điều 26, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 245, 254 bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc hộ ông Huỳnh Văn H (Thành viên trong hộ gồm: Ông Huỳnh Văn H, anh Huỳnh Hữu N, bà Hàng Thị H₁, chị Nguyễn Bửu Minh Th, anh Huỳnh Như T, chị Huỳnh Phương T₁) phải mở cho hộ ông Đỗ Văn M (Thành viên trong hộ gồm: Ông Đỗ Văn M, bà Nguyễn Thị T₂, chị Đỗ Hồng Nh, chị Đỗ Ngọc H₂, anh Đỗ Minh Q) lối đi có chiều ngang mỗi đầu 2m, chiều dài một cạnh là 70,28m, một cạnh là 72,02m. Tổng diện tích là 140,1m². Đây là một phần diện tích của thửa đất số 403, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05120 ngày 23/5/2007 và thửa đất số 74, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01523 ngày 13/6/2006 do ông H đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 15/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (có sơ đồ kèm theo). Có tứ cận:

- Đông giáp thửa đất 72 của ông Đỗ Văn M.

- Tây giáp đường huyện 54B.
- Nam giáp thửa đất 403 và 74 của ông Huỳnh Văn H.
- Bắc giáp thửa đất 73 của anh Nguyễn Minh T₃.

Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Hộ ông M được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai.

3. Ghi nhận hộ ông M tự nguyện liên đới bồi thường cho hộ ông H số tiền 112.081.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hữu N có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Theo nội dung kháng cáo, bị đơn cho rằng nguyên đơn có lối đi khác qua đất của ông Nguyễn Minh T₃ nên không đồng ý mở lối đi nhưng thực tế ông M chỉ đi tạm qua đất của ông T₃, qua nhà bếp, sân nhà ông T₃ mới ra đường công cộng (Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang). Lối đi ông M xin mở là lối đi cũ do ông H tự nguyện tạo cho ông M và ông Tr đi từ năm 1995. Đến năm 2007, ông H xin cấp quyền sử dụng đất thửa 403 với điều kiện phải mở lối đi cho ông M. Năm 2021, do gia đình hai bên mâu thuẫn nên ông H đã rào lại. So sánh giữa đường ông H tự nguyện mở và lối đi đang tranh chấp thì lối đi nguyên đơn yêu cầu mở là thuận tiện nhất, ít thiệt hại nhất cho ông H. Ngược lại, lối đi ông H tự nguyện mở chỉ có chiều ngang 1,5m, qua nhiều khúc cua và có một đoạn đi chung với ông Tr và đi vào giữa phần đất của ông H nên khả năng xảy ra tranh chấp cao. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Lối đi ông M yêu cầu mở thuộc một phần 403 và thửa 74, diện tích 138,6m². Xét năm 2006, hộ ông H đã được cấp quyền sử dụng đất nhưng ông có khiếu nại về việc chưa cấp phần đất là lối đi ông M đang sử dụng. Ngày 08/3/2007, vợ chồng ông H đã cam kết giữ

nguyên lỗi đi cho ông M để được cấp quyền sử dụng phần đất trong đó có phần diện tích lỗi đi. Như vậy, ông H rào lỗi đi không cho ông M sử dụng là vi phạm sự thỏa thuận. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, ông H đồng ý mở cho ông M lỗi đi khác nhưng không được ông M đồng ý. So sánh lỗi đi cũ và lỗi đi mới thì lỗi đi cũ thuận tiện cho việc sử dụng của ông M hơn. Giá trị đất và tài sản trên đất của lỗi đi cũ nguyên đơn tự nguyện trả cho bị đơn nên ghi nhận. Do đó kháng cáo của ông H là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do anh Huỳnh Hữu N nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết, Tòa án sơ thẩm xác định “Yêu cầu mở lỗi đi qua bất động sản liền kề” là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại 254, Điều 169 Bộ luật dân sự và Khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Huỳnh Hữu N:

Anh N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ án sơ thẩm vì ông M có lỗi đi khác đã sử dụng gần 02 năm nay.

Theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 15/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2022, phần đất ông M xin mở lỗi đi có chiều ngang mỗi đầu 2m, chiều dài một cạnh là 70,28m, một cạnh là 72,02m, tổng diện tích là 140,1m², thuộc một phần diện tích của thửa đất số 403 và 74, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/5/2007 và 13/02/2006 cho hộ ông Huỳnh Văn H. Lỗi đi là một đường thẳng bắt đầu từ thửa đất số 72 thuộc quyền sử dụng của ông M ra tới đường huyện 54B, tại ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào hồ sơ cấp quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất 403 và 74, nguồn gốc phần đất diện tích 264,4m² là đất đường đi (bút lục 142). Đồng thời, lỗi đi này được phía vợ chồng ông H thỏa thuận làm lỗi đi cho hộ ông M theo Biên bản hòa giải ngày 08/3/2007 (bút lục 144). Như vậy, có đủ cơ sở xác định, quyền đối với bất động sản liền kề của chủ sử dụng đất thửa 72 là hộ ông Đỗ Văn M đã được xác lập theo thỏa thuận của các bên tại

Biên bản hòa giải ngày 08/3/2007 nói trên, đúng theo quy định tại Điều 246 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của anh N cho rằng, ông M có lối đi khác nhưng các lối đi không thuận lợi và phải đi qua đất thuộc quyền sử dụng của nhiều người khác. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, lối đi nguyên đơn yêu cầu mở có hiện trạng là lối đi cũ, được lót đan, hiện nay ông H đã xây tường rào chắn ngang tại vị trí hướng Tây lối đi, giáp với đường huyện 54B; Hiện tại gia đình ông M muốn đi từ phần đất thửa 72 ra đường công cộng phải đi qua phần đất vườn, sau bếp ra phòng ăn, qua sân thuộc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh T₃ mới ra tới đường huyện 54B. Lối đi mới ông H tự nguyện mở có nhiều đoạn gấp khúc, hiện trạng là đất vườn không bằng phẳng và chia thửa đất số 88 thuộc quyền sử dụng của ông H làm hai, không thuận tiện cho việc đi lại của gia đình ông M cũng như việc sử dụng đất của ông H, ông M không đồng ý nên không thể ghi nhận. Ông H tự ý rào lối đi vào năm 2021, không cho gia đình ông M sử dụng là vi phạm sự thỏa thuận tại Biên bản hòa giải ngày 08/3/2007.

Do thửa đất số 72 thuộc quyền sử dụng của ông M bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề và lối đi ông yêu cầu ông H mở có diện tích 140,1m², thuộc một phần diện tích của thửa đất số 403 và 74 được xem là thuận tiện, hợp lý nhất, không gây thiệt hại nhiều cho hộ ông Huỳnh Văn H nên yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Hữu N là không có căn cứ.

Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang.

[3] Ý kiến và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của anh N không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 về mức thu án phí, lệ phí của Tòa án.

Về chi phí tố tụng: Ông M tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Hữu N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Toà án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang.

1. Buộc hộ ông Huỳnh Văn H (thành viên trong hộ gồm: Ông Huỳnh Văn H, anh Huỳnh Hữu N, bà Hàng Thị H₁, chị Nguyễn Bửu Minh Th, anh Huỳnh Như T, chị Huỳnh Phương T₁) phải mở cho hộ ông Đỗ Văn M (thành viên trong hộ gồm: Ông Đỗ Văn M, bà Nguyễn Thị T₂, chị Đỗ Hồng Nh, chị Đỗ Ngọc H₂, anh Đỗ Minh Q) lối đi có chiều ngang mỗi đầu 2m, chiều dài một cạnh là 70,28m, một cạnh là 72,02m. Tổng diện tích là 140,1m², thuộc thửa đất số 403, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05120 ngày 23/5/2007 và thửa đất số 74, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01523 ngày 13/6/2006 cho hộ ông H. Vị trí lối đi như sau

Đông giáp thửa đất 72 của ông Đỗ Văn M;

Tây giáp đường huyện 54B;

Nam giáp thửa đất 403 và 74 của ông Huỳnh Văn H;

Bắc giáp thửa đất 73 của anh Nguyễn Minh T₃.

(có sơ đồ kèm theo).

2. Hộ ông M được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định tại điểm 1 Khoản 4 Điều 95 Luật đất đai.

3. Ghi nhận hộ ông Đỗ Văn M tự nguyện liên đới bồi thường cho hộ ông H số tiền 112.081.000 đồng.

Các bên thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí: Ông Huỳnh Hữu N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0016692 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên đã nộp xong.

Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hộ ông M gồm: ông Đỗ Văn M, bà Nguyễn Thị T₂, chị Đỗ Hồng Nh, chị Đỗ Ngọc H₂, anh Đỗ Minh Q tự nguyện chịu 5.604.000 án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Huyện C;
- THADS Huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương